

Số: 70/QĐ-KHTH.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
áp dụng tại Bệnh viện Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN GTVT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Luật giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế quy định danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào Quyết định số 314/QĐ-CYT ngày 08/10/2019 của Cục trưởng Cục Y tế GTVT, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Tổ xây dựng giá dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu tại tờ trình ngày 31 / 12 / 2025 về việc đề nghị phê duyệt giá dịch vụ khám bệnh, chữa theo yêu cầu tại Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu (sau đây viết tắt là: đối tượng Dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu) gồm 51 giá dịch vụ kỹ thuật.

Phạm vi áp dụng: các đối tượng sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Bệnh viện Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh

Điều III: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Các bộ phận có tên ở điều I; các Ông (bà) trưởng/phụ trách các khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KHTH (1sa).



DANH MỤC GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5.10/QĐ-KHPTH ngày 31/12/2025 của Giám đốc bệnh viện về Ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại Bệnh viện Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh)

STT	STT theo TT43	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Tên dịch vụ phê duyệt thông tư 43/BYT	Giá dịch vụ
1.	8422	Hút mỡ bụng toàn phần	Hút mỡ bụng toàn phần	7,300,000
2.	8423	Hút mỡ đùi	Hút mỡ đùi	5,900,000
3.	8418	Hút mỡ vùng cánh tay	Hút mỡ vùng cánh tay	4,000,000
4.	8425	Hút mỡ vùng lưng	Hút mỡ vùng lưng	5,500,000
5.	8419	Hút mỡ vùng nhượng chân, cổ chân	Hút mỡ vùng nhượng chân, cổ chân	4,000,000
6.	7137	Hút mỡ cằm	Phẫu thuật thẩm mỹ hút mỡ cằm	2,000,000
7.	8432	Phẫu thuật cấy mỡ mông	Phẫu thuật cấy mỡ vùng mông	5,500,000
8.	8430	Phẫu thuật cấy mỡ toàn mặt	Phẫu thuật cấy mỡ làm đầy vùng mặt	5,500,000
9.	8431	Phẫu thuật cấy mỡ bàn tay	Phẫu thuật cấy mỡ bàn tay	3,000,000
10.	8409	Phẫu thuật căng da trán	Phẫu thuật căng da trán	4,660,000
11.	8440	Phẫu thuật tạo hình thành bụng có dờn rốn	Phẫu thuật căng da bụng có cắt rời và di chuyển rốn	9,000,000
12.	8439	Phẫu thuật tạo hình thành bụng không dờn rốn	Phẫu thuật căng da bụng không cắt rời và di chuyển rốn	8,500,000
13.	8406	Phẫu thuật căng da mặt toàn phần	Phẫu thuật căng da mặt toàn phần	4,660,000
14.	7129	Phẫu thuật căng da cổ	Phẫu thuật căng da cổ	3,400,000
15.	8410	Phẫu thuật căng da thái dương giữa mặt	Phẫu thuật căng da thái dương giữa mặt	4,260,000
16.	8386	Phẫu thuật bấm mí	Phẫu thuật khâu tạo hình mắt hai mí	1,000,000
17.	8385	Phẫu thuật tạo hình mắt hai mí	Phẫu thuật tạo hình mắt hai mí	2,000,000
18.	8388	Phẫu thuật thừa da mí dưới	Phẫu thuật thừa da mí dưới	1,800,000
19.	8382	Phẫu thuật thừa da mí trên	Phẫu thuật thừa da mí trên	1,800,000
20.	6817	Phẫu thuật mở rộng khoé mắt	Phẫu thuật mở rộng khe mí	1,800,000
21.	8381	Phẫu thuật cắt da dư mí dưới mid face	Phẫu thuật sa trễ mí trên người già	3,000,000
22.	7106	Phẫu thuật chỉnh hình lông mày 2 bên	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng cung lông mày	2,000,000
23.	8389	Phẫu thuật chỉnh lại mí	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ thẩm mỹ vùng mắt	2,500,000

STT	STT theo TT43	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Tên dịch vụ phê duyệt thông tư 43/BYT	Giá dịch vụ
24.	8,395	Phẫu thuật nâng mũi cấu trúc sụn sườn	Phẫu thuật nâng mũi bằng sụn tự thân	13,000,000
25.	8393	Phẫu thuật Nâng mũi cấu trúc	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo kết hợp sụn tự thân	4,000,000
26.	8394	Phẫu thuật Nâng mũi sụn hờ	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo	2,500,000
27.	8396	Phẫu thuật thu gọn cánh mũi	Phẫu thuật thu gọn cánh mũi	1,500,000
28.	8397	Phẫu thuật chỉnh hình mũi gỗ	Phẫu thuật chỉnh hình mũi gỗ	1,900,000
29.	7119	Phẫu thuật cấy mỡ trung bì vào mũi	Phẫu thuật tạo hình thóp mũi bằng vật liệu ghép tự thân	2,500,000
30.	7117	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng vật da	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng vật da	2,500,000
31.	8399	Phẫu thuật chỉnh lại mũi	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ nâng mũi	1,500,000
32.	8433	Đặt túi mỡ	Phẫu thuật làm to mỡ bằng túi độn mỡ	7,000,000
33.	8434	Phẫu thuật nâng vú bằng túi độn ngực	Phẫu thuật nâng vú bằng túi độn ngực	7,800,000
34.	8274	Phẫu thuật thu gọn tuyến vú	Phẫu thuật thu nhỏ vú phì đại	6,400,000
35.	8275	Phẫu thuật treo tuyến vú GM	Phẫu thuật treo vú sa trễ	6,000,000
36.	8279	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	2,000,000
37.	8436	Phẫu thuật rút túi ngực	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ nâng vú	7,800,000
38.	8379	Phẫu thuật thu gọn môi dày	Phẫu thuật thu gọn môi dày	2,000,000
39.	7132	Phẫu thuật tạo môi trái tim	Phẫu thuật tái tạo hình môi	2,000,000
40.	8402	Phẫu thuật hạ gò má	Phẫu thuật chỉnh cung thái dương gò má	8,500,000
41.	6991	Phẫu thuật gọt hàm hô	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên	8,500,000
42.	8403	Phẫu thuật chỉnh thon góc hàm	Phẫu thuật chỉnh thon góc hàm	8,500,000
43.	8445	Phẫu thuật độn cằm	Phẫu thuật độn cằm	2,500,000
44.	7135	Phẫu thuật thẩm mỹ làm to cằm nhỏ, lẹm	Phẫu thuật thẩm mỹ làm to cằm nhỏ, lẹm	8,500,000
45.	7136	Phẫu thuật thẩm mỹ thu nhỏ cằm to	Phẫu thuật thẩm mỹ thu nhỏ cằm to	8,500,000
46.	8448	Phẫu thuật rút sụn cằm	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ chỉnh hình cằm	1,500,000
47.	8258	Phẫu thuật xóa sẹo vùng cổ mặt > 5cm	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	2,000,000
48.	6462	Phẫu thuật cắt bỏ bướu vùng mắt	Cắt u mi cả bề dày không vá	1,200,000

STT	STT theo TT43	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Tên dịch vụ phê duyệt thông tư 43/BYT	Giá dịch vụ
49.	6418	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu ngắn dưới 5cm: Cắt khâu đơn giản	Cắt sẹo khâu kín	1,500,000
50.	6795	Phẫu thuật đục thủy tinh thể	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt đục nhất	240,000
51.	8236	Phẫu thuật vá da điều trị lật mi	Ghép da mi hay vạt da điều trị lật mi dưới do sẹo	2,000,000

Ghi chú: Bệnh viện thực hiện giảm 50% giá sử dụng dịch vụ cho các kỹ thuật thứ 2 trở lên (Áp dụng với các đối tượng sử dụng nhiều dịch vụ kỹ thuật trong cùng một ca phẫu thuật).

Số: 584 /QĐ-KHTH.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
áp dụng tại Bệnh viện Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN GTVT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Luật giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế quy định danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-CYT ngày 18/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện GTVT thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Quyết định số 314/QĐ-CYT ngày 08/10/2019 của Cục trưởng Cục Y tế GTVT, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán và Trưởng khoa Phẫu Thuật tạo hình thẩm mỹ tại Tờ trình ngày 31/12/2025 về việc đề nghị phê duyệt bảng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Phẫu Thuật tạo hình thẩm mỹ;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán (sau đây viết tắt là: đối tượng Dịch vụ ngoài BHYT) gồm 04 giá dịch vụ kỹ thuật.

Phạm vi áp dụng: các đối tượng Dịch vụ ngoài BHYT sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh

Điều III: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Các bộ phận có tên ở điều I; các Ông (bà) trưởng/phụ trách các khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KHTH (1sa).



Nguyễn Quốc Việt

DANH MỤC GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5.84/QĐ-KHTH ngày 31/12/2025 của Giám đốc bệnh viện về Ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Bệnh viện Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh)

STT	STT theo TT43	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Tên dịch vụ phê duyệt thông tư 43/BYT	Giá dịch vụ
1.	8414	Căng da mặt bằng chỉ	Thủ thuật treo chỉ căng da mặt các loại	2,000,000
2.	8300	Kéo dài dương vật	Phẫu thuật giải phóng xơ cong dương vật	4,000,000
3.	8449	Phẫu thuật thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài nữ (Thu gọn môi lớn)	Phẫu thuật thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài nữ	2,000,000
4.	8449	Phẫu thuật thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài nữ (Cắt môi bé)	Phẫu thuật thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài nữ	1,500,000

Ghi chú: Bệnh viện thực hiện giảm 50% giá sử dụng dịch vụ cho các kỹ thuật thứ 2 trở lên (Áp dụng với các đối tượng sử dụng nhiều dịch vụ kỹ thuật trong ngày).

Số: 15 /QĐ-KHTH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành bổ sung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
áp dụng tại Bệnh viện Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN GTVT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Luật giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế quy định danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-CYT ngày 18/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện GTVT thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3468/QĐ – UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc tiếp nhận Bệnh viện Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh về trực thuộc Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 9512/SYT - TCCB ngày 27 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc tiếp nhận Bệnh viện Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh về trực thuộc Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh;

Xét nội dung tờ trình của Trưởng phòng Tài chính kế toán và Phụ trách khoa Phẫu Thuật tạo hình thẩm mỹ, Phó trưởng khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức tại tờ trình ngày 13/01/2026 về việc đề nghị phê duyệt bảng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán (sau đây viết tắt là: đối tượng Dịch vụ ngoài BHYT) gồm 03 giá dịch vụ kỹ thuật (có bảng giá kèm theo).

Phạm vi áp dụng: các đối tượng sử dụng Dịch vụ ngoài BHYT sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh vượt quá định mức thời gian quy định tại Bệnh viện Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày kí

Điều 3: Các bộ phận có tên ở điều I; các Ông (bà) trưởng/phụ trách các khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KHTH (lisa).



Nguyễn Quốc Việt

DANH MỤC GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 15/QĐ-KHTH ngày 14 / 01 /2026 của Giám đốc bệnh viện về Ban hành bổ sung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Bệnh viện Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh)

I. Khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ

STT	STT theo TT43	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Tên dịch vụ phê duyệt thông tư 43/BYT	Giá dịch vụ
1.	8375	Phẫu thuật cắt ngón chân thừa	Phẫu thuật cắt ngón chân thừa	2,000,000

II. Khoa Phẫu thuật gây mê hồi sức

STT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Giá dịch vụ
1	Chi phí thời gian phẫu thuật kéo dài quá mỗi giờ trong giờ hành chính	400,000 / 1 giờ
2	Chi phí thời gian phẫu thuật kéo dài quá mỗi giờ ngoài giờ hành chính	500,000 / 1 giờ

Ghi chú:

Thời gian tiêu chuẩn cho mỗi ca phẫu thuật được tính theo danh mục kỹ thuật, thuốc, vật tư, trang thiết bị trực tiếp thực hiện dịch vụ kỹ thuật của hội đồng xây dựng danh mục giá Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng năm 2025, chưa có trong giá trọn gói, tính riêng như: vật tư như ống mũi, túi đờm ngực, thuốc gây mê,... chưa có trong giá trọn gói, tính riêng theo số lượng sử dụng thực tế.



Số: S/QĐ-KHTH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành bổ sung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
áp dụng tại Bệnh viện Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN GTVT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Luật giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế quy định danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-CYT ngày 18/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện GTVT thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-SYT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét nội dung tờ trình của Trưởng phòng Tài chính kế toán và Phụ trách khoa Phẫu Thuật tạo hình thẩm mỹ tại tờ trình ngày 28/01/2026 về việc đề nghị phê duyệt bảng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Phẫu Thuật tạo hình thẩm mỹ;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán (sau đây viết tắt là: đối tượng Dịch vụ ngoài BHYT) gồm 02 giá dịch vụ kỹ thuật (có bảng giá kèm theo).

Phạm vi áp dụng: các đối tượng sử dụng Dịch vụ ngoài BHYT sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh vượt quá định mức thời gian quy định tại Bệnh viện Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày kí

Điều 3: Các bộ phận có tên ở điều I; các Ông (bà) trưởng/phụ trách các khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này thay thế các quyết định không còn phù hợp đã ban hành trước đó.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KHTH (1sa).



DANH MỤC GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1.9/QĐ-KHTH ngày 29 / 01 /2026 của Giám đốc bệnh viện về Ban hành bổ sung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Bệnh viện Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh)

STT	STT theo TT43	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Tên dịch vụ phê duyệt thông tư 43/BYT	Giá dịch vụ
1.	8422	Hút mỡ bụng toàn phần (Tiền mê)	Hút mỡ bụng toàn phần	6,000,000
2.	8450	Phẫu thuật thu nhỏ âm đạo	Phẫu thuật thu nhỏ âm đạo	2,000,000

Ghi chú: Thời gian tiêu chuẩn cho mỗi ca phẫu thuật được tính theo danh mục lao động, thuốc, vật tư, trang thiết bị trực tiếp thực hiện dịch vụ kỹ thuật của hội đồng xây dựng danh mục giá Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng, các vật tư như sòng mũi, túi độn ngực, thuốc gây mê,... chưa có trong giá trọng gói, tính tiền thuốc ngoài gói theo số lượng sử dụng thực tế.



Số: 60/QĐ-KHTH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành bổ sung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
áp dụng tại Bệnh viện Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN GTVT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Luật giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế quy định danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-CYT ngày 18/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện GTVT thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-SYT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét nội dung tờ trình của Trưởng phòng Tài chính kế toán và Phụ trách khoa Phẫu Thuật tạo hình thẩm mỹ tại tờ trình ngày 29/01/2026 về việc đề nghị phê duyệt bảng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Phẫu Thuật tạo hình thẩm mỹ;

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán (sau đây viết tắt là: đối tượng Dịch vụ ngoài BHYT) gồm 01 giá dịch vụ kỹ thuật (có bảng giá kèm theo).

Phạm vi áp dụng: các đối tượng sử dụng Dịch vụ ngoài BHYT sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh vượt quá định mức thời gian quy định tại Bệnh viện Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày kí

Điều 3: Các bộ phận có tên ở điều I; các Ông (bà) trưởng/phụ trách các khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KHTH (1sa).



DANH MỤC GIÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 40./QĐ-KHTH ngày 30 / 01 /2026 của Giám đốc bệnh
việc về Ban hành bổ sung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Bệnh viện Giao
thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh)

STT	STT theo TT43	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Tên dịch vụ phê duyệt thông tư 43/BYT	Giá dịch vụ
1.	8394	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu độn nhân tạo	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu độn nhân tạo	1,500,000